



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đại học ngành Luật hình thức đào tạo từ xa

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 713/QĐ-ĐHL ngày 08 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

Trình độ đào tạo	: Đại học
Lĩnh vực đào tạo	: Pháp luật
Nhóm ngành đào tạo	: Luật
Ngành và mã số ngành đào tạo	: Luật; mã ngành: 7380101
Tên chương trình đào tạo	: Chương trình đào tạo dành cho người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương); và người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Luật
Hình thức đào tạo	: Từ xa
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật hình thức từ xa của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu hướng đến đào tạo đội ngũ cử nhân luật có phẩm chất chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, có đạo đức, tri thức nghề nghiệp vững vàng, có kỹ năng thực hành để có thể làm việc trong lĩnh vực pháp luật, chính trị, xã hội; có khả năng làm việc tích cực, chủ động; có trình độ tiếng Anh và tin học đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong nước và khu vực, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật hình thức từ xa sẽ trang bị cho người học với các mục tiêu cụ thể (Program Objective - viết tắt là **PO**) như sau:

PO1 (kiến thức). Có kiến thức chuyên môn luật vững vàng; có trình độ tiếng Anh ở bậc trung cấp để tiếp tục học tập, nghiên cứu, thực hành pháp luật ở trình độ cao hơn, thích ứng nhu cầu của xã hội;

PO2 (kiến thức). Có khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá, giải quyết đúng các vấn đề pháp lý;

PO3 (kỹ năng). Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán và kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn; kỹ năng nghiên cứu và học tập suốt đời;

PO4 (kỹ năng). Có kỹ năng trong việc nhận diện, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý;

PO5 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có khả năng tư duy độc lập; có đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc;

PO6 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có tinh thần thượng tôn pháp luật; có ý thức phục vụ cộng đồng.

2. Chuẩn đầu vào của ngành đào tạo, chương trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh trình độ đại học hình thức từ xa của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, người học phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Đối với người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương):
 - (i) Đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tại Việt Nam;
 - (ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
 - (iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;
 - (iv) Nộp hồ sơ trong thời hạn quy định tại thời điểm thông báo tuyển sinh;
 - (v) Có kết quả xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp THPT và điểm trung bình các môn học của năm Lớp 12 THPT (học bạ cấp THPT) phù hợp với chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó hoặc lớp tuyển sinh đó;
 - (vi) Thực hiện việc xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.
- b) Đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Luật:
 - (i) Đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học hình thức chính quy, hoặc hình thức vừa làm vừa học, hoặc hình thức từ xa ở tất cả các ngành/ nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (*văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo*);
 - (ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
 - (iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;
 - (iv) Nộp hồ sơ trong thời hạn quy định tại thời điểm thông báo tuyển sinh;
 - (v) Có kết quả xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học và điểm trung bình tích lũy toàn khóa học (*được làm tròn đến 2 chữ số thập phân*) phù hợp với chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó hoặc lớp tuyển sinh đó;
 - (vi) Thực hiện việc xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

3. Khối lượng học tập và thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

3.1. Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật

- a) Đối với hình thức đào tạo từ xa dành cho người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương): có khối lượng học tập là **121 tín chỉ**, trong đó có 20 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 101 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;
- b) Đối với hình thức đào tạo từ xa dành người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Luật: sau khi đã được Trường công nhận và cho chuyển đổi tín chỉ, sinh viên phải tích lũy khối lượng học tập là **88 tín chỉ**, trong đó có 9 tín chỉ thuộc

kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành và 79 tín chỉ thuộc kiến thức ngành và khóa luận tốt nghiệp (hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi các học phần chuyên môn).

3.2. Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

a) Chương trình đào tạo hình thức từ xa dành cho người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương): có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4 (bốn) năm và được triển khai trong 8 (tám) học kỳ;

b) Chương trình đào tạo hình thức từ xa dành cho người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Luật: có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 2,5 (hai phẩy năm) năm và được triển khai trong 5 (năm) học kỳ.

3.3. Khối lượng học tập: Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức như sau:

a) Đối với hình thức đào tạo từ xa dành cho người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương):

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	20
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101
	a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	22
	b) Kiến thức ngành	74
	- Kiến thức chung	62
	- Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành, gồm nhóm Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế; và nhóm Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính	6
	- Kiến thức tự chọn của nhóm ngành, gồm nhóm Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế; và nhóm Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính	6
	c) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi các học phần chuyên môn	5
	Cộng:	121

b) Đối với hình thức đào tạo từ xa dành cho người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Luật:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	9
2.	Kiến thức ngành	74
	- Kiến thức chung	62
	- Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành, gồm nhóm Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế; và nhóm Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính	6
	- Kiến thức tự chọn của nhóm ngành, gồm nhóm Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế; và nhóm Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính	6
3.	Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi các học phần chuyên môn	5
	Cộng:	88

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Đối với hình thức đào tạo từ xa dành cho người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương): 121 tín chỉ.

4.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 20 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Tin học đại cương	2	Phòng Đào tạo (sinh viên tự học và nộp chứng chỉ)
7.	Tiếng Anh (theo chương trình TOEIC quốc tế hoặc tương đương, hoặc đạt từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	7	Phòng Đào tạo (sinh viên tự học và nộp chứng chỉ)
Cộng:		20	

4.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 101 tín chỉ, trong đó:

a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 22 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tâm lý học đại cương	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Xã hội học pháp luật	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật hành chính
7.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật hành chính
8.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa Luật hành chính
9.	Luật học so sánh	2	Khoa Luật quốc tế
10.	Quản trị học	2	Khoa Quản trị
Cộng:		22	

b) Kiến thức ngành: 74 tín chỉ, bao gồm:

(i) Kiến thức chung: 62 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa Luật hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật hành chính
3.	Luật Tổ tụng hành chính	2	Khoa Luật hành chính
4.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa Luật dân sự
5.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật dân sự
6.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa Luật dân sự
7.	Luật Lao động	3	Khoa Luật dân sự
8.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa Luật dân sự
9.	Luật Tổ tụng dân sự	3	Khoa Luật dân sự
10.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa Luật hình sự
11.	Luật Hình sự phần các tội phạm	3	Khoa Luật hình sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
12.	Luật Tố tụng hình sự	3	Khoa Luật hình sự
13.	Tội phạm học	2	Khoa Luật hình sự
14.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa Luật thương mại
15.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật thương mại
16.	Luật Đầu tư	2	Khoa Luật thương mại
17.	Luật Đất đai	2	Khoa Luật thương mại
18.	Luật Môi trường	2	Khoa Luật thương mại
19.	Luật Ngân hàng	2	Khoa Luật thương mại
20.	Luật Tài chính công	3	Khoa Luật thương mại
21.	Công pháp quốc tế	3	Khoa Luật quốc tế
22.	Luật biên	2	Khoa Luật quốc tế
23.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa Luật quốc tế
24.	Luật thương mại quốc tế	3	Khoa Luật quốc tế
Cộng:		62	

(ii) Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành: 6 tín chỉ/ nhóm ngành:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế		
	1. Giao dịch dân sự về bất động sản	2	Khoa Luật dân sự
	2. Luật Tranh chấp	2	Khoa Luật thương mại
	3. Luật kinh doanh quốc tế	2	Khoa Luật quốc tế
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính		
	1. Pháp luật về an sinh xã hội	2	Khoa Luật dân sự
	2. Tâm lý học tư pháp	2	Khoa Luật hình sự
	3. Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	Khoa Luật hành chính
Cộng:		6	

(iii) Kiến thức tự chọn của nhóm ngành: chọn 6/12 tín chỉ/ nhóm ngành.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế		
	1. Hợp đồng dân sự thông dụng	2	Khoa Luật dân sự
	2. Luật Thi hành án dân sự	2	Khoa Luật dân sự
	3. Luật Thương mại điện tử	2	Khoa Luật thương mại
	4. Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa Luật thương mại
	5. Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	Khoa Luật quốc tế
	6. Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa Luật quốc tế
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính		
	1. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2	Khoa Luật dân sự
	2. Giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình	2	Khoa Luật dân sự
	3. Lý luận và kỹ năng định tội	2	Khoa Luật hình sự
	4. Khoa học điều tra hình sự	2	Khoa Luật hình sự
	5. Thủ tục hành chính	2	Khoa Luật hành chính
	6. Pháp luật về công chứng, luật sư	2	Khoa Luật hành chính
Cộng:		6/12	

c) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi các học phần chuyên môn: 5 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Các khoa
2.	Hoặc Báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi các học phần chuyên môn:		
	a) Báo cáo chuyên đề thực tiễn	2	Các khoa
	b) Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa Luật dân sự
	Cộng:	5	

4.1.3. Một số yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học, tiếng Anh và xét làm khóa luận tốt nghiệp

a) Yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học và tiếng Anh

(i) Tin học:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” (hoặc tương đương) hoặc MOS Word;
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Nhà trường.

(ii) Tiếng Anh:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế với số điểm **đạt từ 450 điểm trở lên** (hoặc TOEFL, IELTS tương đương); hoặc **đạt từ bậc 3/6** theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Nhà trường.

b) Việc xét cho sinh viên được viết khóa luận tốt nghiệp do Nhà trường quy định cho từng khóa học, lớp học nhưng không quá 10% tổng số sinh viên toàn khóa; và điểm trung bình tích lũy toàn khóa của sinh viên không thấp hơn 2,8 (tính theo thang điểm 4).

4.2. Đối với hình thức đào tạo từ xa dành cho người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Luật: 88 tín chỉ.

4.2.1. Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: **9 tín chỉ**, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa Luật hành chính
4.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật hành chính
	Cộng:	9	

4.2.2. Kiến thức ngành: **74 tín chỉ**, trong đó:

a) Kiến thức chung: 62 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa Luật hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật hành chính
3.	Luật Tổ tụng hành chính	2	Khoa Luật hành chính
4.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa Luật dân sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
5.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật dân sự
6.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa Luật dân sự
7.	Luật Lao động	3	Khoa Luật dân sự
8.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa Luật dân sự
9.	Luật Tổ tụng dân sự	3	Khoa Luật dân sự
10.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa Luật hình sự
11.	Luật Hình sự phần các tội phạm	3	Khoa Luật hình sự
12.	Luật Tổ tụng hình sự	3	Khoa Luật hình sự
13.	Tội phạm học	2	Khoa Luật hình sự
14.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa Luật thương mại
15.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật thương mại
16.	Luật Đầu tư	2	Khoa Luật thương mại
17.	Luật Đất đai	2	Khoa Luật thương mại
18.	Luật Môi trường	2	Khoa Luật thương mại
19.	Luật Ngân hàng	2	Khoa Luật thương mại
20.	Luật Tài chính công	3	Khoa Luật thương mại
21.	Công pháp quốc tế	3	Khoa Luật quốc tế
22.	Luật biên	2	Khoa Luật quốc tế
23.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa Luật quốc tế
24.	Luật thương mại quốc tế	3	Khoa Luật quốc tế
Cộng:		62	

b) Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành: 6 tín chỉ/ nhóm ngành:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế		
	1. Giao dịch dân sự về bất động sản	2	Khoa Luật dân sự
	2. Luật Tranh chấp	2	Khoa Luật thương mại
	3. Luật kinh doanh quốc tế	2	Khoa Luật quốc tế
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính		
	1. Pháp luật về an sinh xã hội	2	Khoa Luật dân sự
	2. Tâm lý học tư pháp	2	Khoa Luật hình sự
	3. Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	Khoa Luật hành chính
Cộng:		6	

c) Kiến thức tự chọn của nhóm ngành: chọn 6/12 tín chỉ/ nhóm ngành.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật thương mại và Luật quốc tế		
	1. Hợp đồng dân sự thông dụng	2	Khoa Luật dân sự
	2. Luật Thi hành án dân sự	2	Khoa Luật dân sự
	3. Luật Thương mại điện tử	2	Khoa Luật thương mại
	4. Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa Luật thương mại
	5. Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	Khoa Luật quốc tế
	6. Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa Luật quốc tế

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Nhóm ngành Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính		
	1. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2	Khoa Luật dân sự
	2. Giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình	2	Khoa Luật dân sự
	3. Lý luận và kỹ năng định tội	2	Khoa Luật hình sự
	4. Khoa học điều tra hình sự	2	Khoa Luật hình sự
	5. Thủ tục hành chính	2	Khoa Luật hành chính
	6. Pháp luật về công chứng, luật sư	2	Khoa Luật hành chính
	Cộng:	6/12	

4.2.3. Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi các học phần chuyên môn: 5 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Các khoa
2.	Hoặc Báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi các học phần chuyên môn:		
	a) Báo cáo chuyên đề thực tiễn	2	Các khoa
	b) Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa Luật dân sự
	Cộng:	5	

4.2.4. Một số yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học, tiếng Anh; việc công nhận và cho chuyển đổi tín chỉ; và xét làm khóa luận tốt nghiệp

a) Yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học và tiếng Anh

(i) Tin học:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” (hoặc tương đương) hoặc MOS Word;
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Nhà trường.

(ii) Tiếng Anh:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế với số điểm **đạt từ 450 điểm trở lên** (hoặc TOEFL, IELTS tương đương); hoặc **đạt từ bậc 3/6** theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Nhà trường.

b) Sinh viên được Nhà trường công nhận và cho chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần đã được học trong chương trình đào tạo trình độ đại học trước đó, bao gồm: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tin học đại cương, Ngoại ngữ.

c) Việc xét cho sinh viên được viết khóa luận tốt nghiệp do Nhà trường quy định cho từng khóa học, lớp học nhưng không quá 10% tổng số sinh viên toàn khóa; và điểm trung bình tích lũy toàn khóa của sinh viên không thấp hơn 2,8 (tính theo thang điểm 4).

5. Phương pháp và hình thức đánh giá học phần; đánh giá kết quả học tập

5.1. Phương pháp đánh giá học phần

a) Việc đánh giá kết quả học tập đối với từng học phần được căn cứ vào đánh giá quá trình (hay còn gọi là điểm thành phần thứ 1/ điểm bộ phận) và đánh giá tổng kết (hay còn gọi là điểm thành phần thứ 2/ điểm thi kết thúc học phần), đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần;

b) Việc đánh giá quá trình học tập được giảng viên phụ trách lớp học phần thực hiện bằng một hoặc một số phương pháp sau: tổ chức kiểm tra tại lớp, làm bài tập nhóm, thuyết trình, thảo luận, báo cáo thu hoạch, đánh giá chuyên cần, thái độ tham gia học tập. Việc lựa chọn một hoặc một số phương pháp này để đánh giá do giảng viên quyết định và được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

c) Việc đánh giá tổng kết được Trường tổ chức vào cuối mỗi học kỳ hoặc sau khi học xong học phần để giảng viên đánh giá. Phương pháp này là bắt buộc đối với những học phần có tính điểm trung bình học kỳ, năm học, tích lũy toàn khóa học.

5.2. Hình thức đánh giá học phần, thang điểm đánh giá và xếp loại học phần

a) Hình thức đánh giá học phần: đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thảo luận và thực hành thì việc đánh giá học phần được tính dựa vào 2 (hai) điểm thành phần sau đây:

- Điểm thành phần thứ 1: do giảng viên phụ trách lớp học phần đánh giá thông qua hình thức ra đề kiểm tra, tổ chức kiểm tra và chấm điểm. Điểm thành phần thứ 1 có trọng số bằng 40% điểm học phần;

- Điểm thành phần thứ 2: do Trường tổ chức cho giảng viên đánh giá thông qua hình thức thi viết trên giấy (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trên máy tính (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết báo cáo thu hoạch, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Điểm thành phần thứ 2 có trọng số bằng 60% điểm học phần.

b) Thang điểm đánh giá và xếp loại học phần

- Điểm thành phần thứ 1 và điểm thành phần thứ 2 được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), nếu có điểm lẻ thì được làm tròn đến 0,5 (không phải năm);

- Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của điểm thành phần thứ 1 và điểm thành phần thứ 2 nhân với trọng số tương ứng theo quy định tại mục 5.2.a nêu trên;

- Điểm đánh giá học phần được quy tròn đến 0,5 (không phải năm) và được xếp loại như sau:

(i) Loại đạt:

Stt	Thang điểm 10	Xếp loại học phần	Chuyển sang thang điểm chữ
1.	9,5 và 10,0	Xuất sắc	A
2.	8,5 và 9,0	Giỏi	B ⁺
3.	7,5 và 8,0	Khá	B
4.	6,5 và 7,0	Trung bình khá	C ⁺
5.	5,5 và 6,0	Trung bình	C
6.	5,0	Trung bình yếu	D ⁺
7.	4,0 và 4,5	Yếu	D

(ii) Loại đạt không phân mức: áp dụng cho các học phần điều kiện, chỉ yêu cầu đạt và không tính vào điểm trung bình học kỳ, năm học, tích lũy toàn khóa học:

Stt	Thang điểm 10	Xếp loại học phần	Chuyển sang thang điểm chữ
1.	Từ 5,0 trở lên	Đạt	P
2.	Dưới 5,0	Kém	F

(iii) Loại không đạt:

Stt	Thang điểm 10	Xếp loại học phần	Chuyển sang thang điểm chữ
1.	Dưới 4,0	Kém	F

5.3. Đánh giá kết quả học tập

a) Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, từng năm học dựa vào kết quả của các học phần mà sinh viên đã đăng ký học trong học kỳ, năm học;

b) Mức điểm chữ của từng học phần đã được xếp loại nêu trên sẽ được quy đổi qua điểm số theo thang điểm 4 (từ 0 đến 4) để đánh giá kết quả học tập, như sau:

Stt	Mức điểm chữ	Quy đổi sang điểm số	Ghi chú
1.	A	4,0	
2.	B ⁺	3,5	
3.	B	3,0	
4.	C ⁺	2,5	
5.	C	2,0	
6.	D ⁺	1,5	
7.	D	1,0	
8.	F	0,0	

c) Đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm học phần (đã được quy đổi sang thang điểm 4) và trọng số là số tín chỉ của học phần đó;

d) Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy của sinh viên được xếp loại về học lực như sau:

- (i) Từ 3,6 đến 4,0: xuất sắc;
- (ii) Từ 3,2 đến cận 3,6: giỏi;
- (iii) Từ 2,5 đến cận 3,2: khá;
- (iv) Từ 2,0 đến cận 2,5: trung bình;
- (v) Từ 1,0 đến cận 2,0: yếu;
- (vi) Dưới 1,0: kém.

6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi tích lũy đủ và đạt khối lượng học tập (tín chỉ) theo quy định của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật hình thức từ xa, sinh viên sẽ đạt được chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - viết tắt là **PLO**) về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ/trách nhiệm như sau:

6.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (6):

PLO1. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị để tiếp thu kiến thức về khoa học pháp lý;

PLO2. Có kiến thức chuyên môn nền tảng và kiến thức nâng cao về khoa học pháp lý Việt Nam;

PLO3. Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực chuyên môn, hoạt động pháp lý cụ thể;

PLO4. Có kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật;

PLO5. Có kiến thức chuyên môn vững chắc để nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý cơ bản trong lĩnh vực pháp luật;

PLO6. Có trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế (*hoặc chương trình quốc tế khác đạt trình độ tương đương chương trình TOEIC quốc tế*) tương đương từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng thông dụng như: Microsoft Word, Excel, Powerpoint; và biết cách sử dụng, khai thác Internet an toàn, hiệu quả*) đáp ứng yêu cầu công việc.

6.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (5):

PLO7. Có năng lực nghiên cứu, lập luận, phân tích và vận dụng các quy định của pháp luật Việt Nam để giải quyết những vấn đề cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ;

PLO8. Có kỹ năng tư duy, kỹ năng phản biện và đưa ra giải pháp giải quyết đối với các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật trong các môi trường làm việc khác nhau;

PLO9. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm;

PLO10. Có khả năng tự tạo việc làm cho mình và cho người khác;

PLO11. Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới.

6.3. Chuẩn đầu ra về thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm (4):

PLO12. Có ý thức thượng tôn và chấp hành pháp luật; tôn trọng và có ý thức bảo vệ công lý, tham gia phục vụ lợi ích của cộng đồng và xã hội;

PLO13. Có ý thức giữ gìn đạo đức tốt và chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động nghề nghiệp; có tác phong làm việc nghiêm túc và có ý thức kỷ luật tốt;

PLO14. Có đủ sức khỏe để làm việc; có khả năng tư duy độc lập; có tinh thần sẵn sàng thích nghi, đối diện thách thức, chịu áp lực trong các môi trường làm việc khác nhau, đa văn hóa;

PLO15. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân khi giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp; có tinh thần chủ động tham gia thị trường lao động.

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình (các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo để đảm bảo chất lượng đào tạo)

7.1. Chương trình đào tạo trình độ đại học (*dành cho người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương); và người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Luật*) ngành Luật hình thức từ xa được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, với kiểu chương trình đào tạo là đơn ngành; đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

7.2. Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng kết hợp lý thuyết với thảo luận, tự học và thực hành, theo tỷ lệ như sau:

- Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (20 tín chỉ): 16,53%;
- Các học phần thuộc kiến thức cơ sở của nhóm ngành (22 tín chỉ): 18,18%;
- Các học phần thuộc kiến thức ngành (74 tín chỉ): 61,16%;
- Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi một số học phần chuyên môn (5 tín chỉ): 4,13%.

7.3. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo:

- Về đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ:
 - + Giảng viên tham gia giảng dạy (*bao gồm cả giảng viên của cơ sở phối hợp đào tạo*) phải đạt từ trình độ thạc sỹ trở lên;
 - + Giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết (*bao gồm cả giảng viên của cơ sở phối hợp đào tạo*) phải có kinh nghiệm giảng dạy ít nhất từ 2,0 năm, đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và yêu nghề;
 - + Ngoài giảng viên cơ hữu của Trường (*và giảng viên cơ hữu của cơ sở phối hợp đào tạo, trong trường hợp thực hiện hoạt động liên kết đào tạo*), định kỳ Trường mời giảng viên thỉnh giảng là các chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật; các luật sư, công chứng viên, chấp hành viên, đấu giá viên, .v.v... có kinh nghiệm trong việc xử lý các công việc chuyên môn có liên quan cũng như có kinh nghiệm trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại, dân sự, hình sự, hành chính, quốc tế; các chuyên gia là nhà quản lý có kinh nghiệm hiện đang công tác tại Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an, Sở Tư pháp, Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế, .v.v... báo cáo chuyên đề;
 - + Trường phải thực hiện việc liên kết với một số Công ty luật, Văn phòng luật sư có uy tín để bố trí giảng viên và sinh viên đến thực tập, tham quan, khảo sát; đồng thời, Trường cũng phải thường xuyên tăng cường quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo nước ngoài, chuyên gia nước ngoài nhằm đảm bảo tính thích ứng của chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế.
- Về cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu:
 - + Trường đảm bảo có đủ phòng học, phòng thực hành đạt tiêu chuẩn về phòng học lý thuyết, thảo luận, phòng thực hành tin học; các thiết bị, dụng cụ dành cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học phải được Trường trang bị kịp thời;
 - + Cơ sở phối hợp đào tạo phải đảm bảo có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, thực hành tin học và cán bộ quản lý để phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến tuyển sinh và đào tạo;
 - + Trung tâm Thông tin - Thư viện có đầy đủ sách, báo, tạp chí, giáo trình, đề cương bài giảng .v.v... để giảng viên và sinh viên thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

- Về phương pháp giảng dạy: áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm và là chủ thể của quá trình đào tạo. Giờ học thảo luận có thể áp dụng các hình thức: thảo luận nhóm, khảo sát thực tế và viết báo cáo; nghe báo cáo chuyên đề từ các chuyên gia trong lĩnh vực thương mại, dân sự, quốc tế, quản lý kinh tế, cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp và cơ quan hành chính; làm bài tập và viết tiểu luận khi kết thúc học phần.

- Về người học: phải có tư duy pháp lý, yêu nghề; và tích cực phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, tự nghiên cứu; tích cực trao đổi thảo luận, tham vấn và đặt câu hỏi với giảng viên; biết cách sử dụng, khai thác Internet và Elearning an toàn, hiệu quả;

- Khi tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: yêu cầu đảm bảo tính logic, tiên quyết giữa các học phần cũng như của mỗi thành phần của chương trình đào tạo;

- Thực hiện việc kiểm định chất lượng chương trình đào tạo này theo đúng chu kỳ kiểm định và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG



*** Lê Trường Sơn**